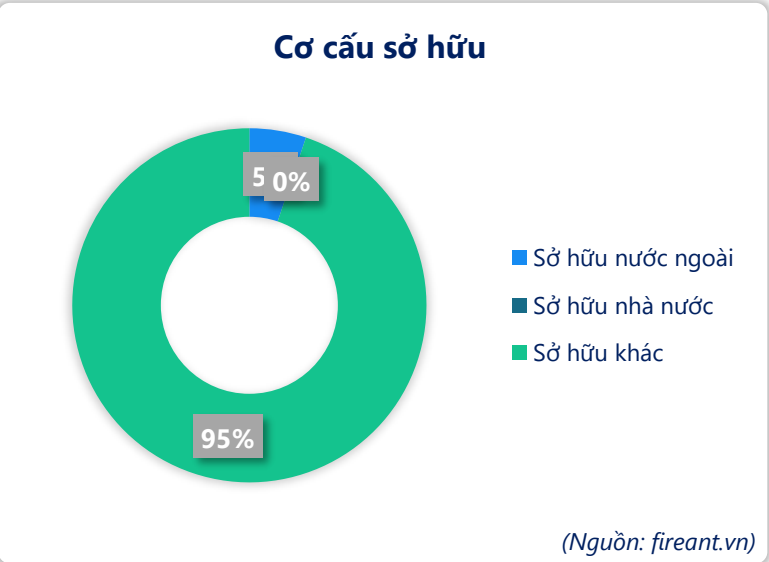
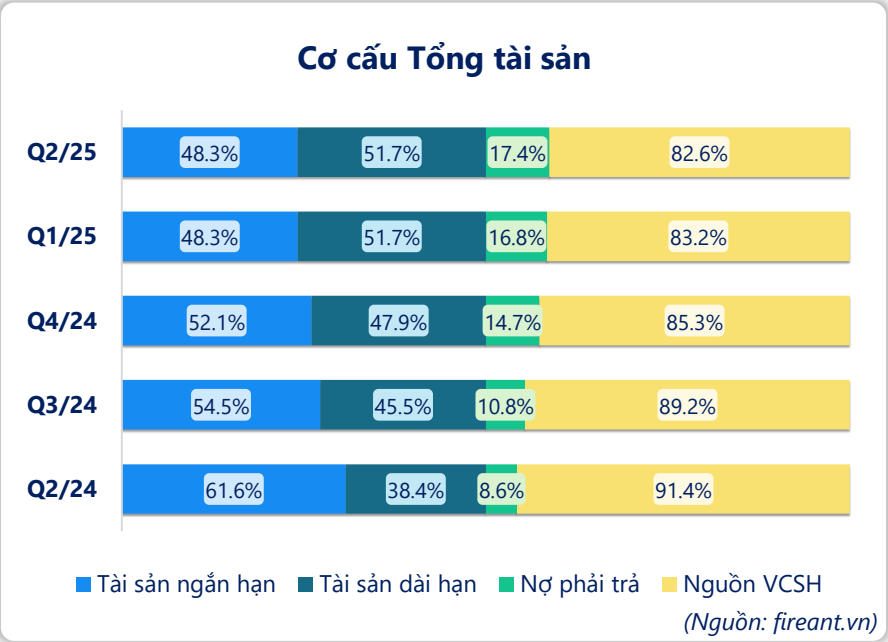
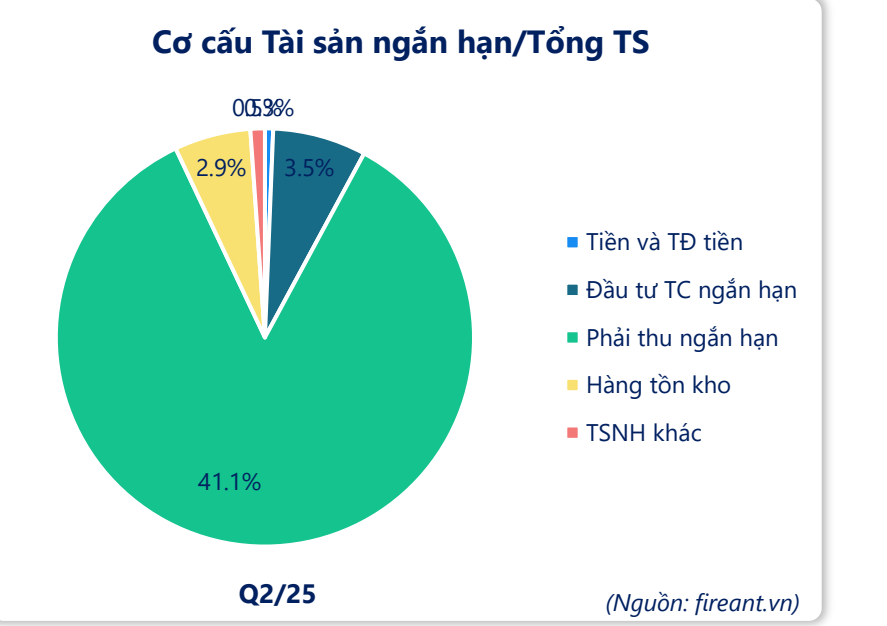
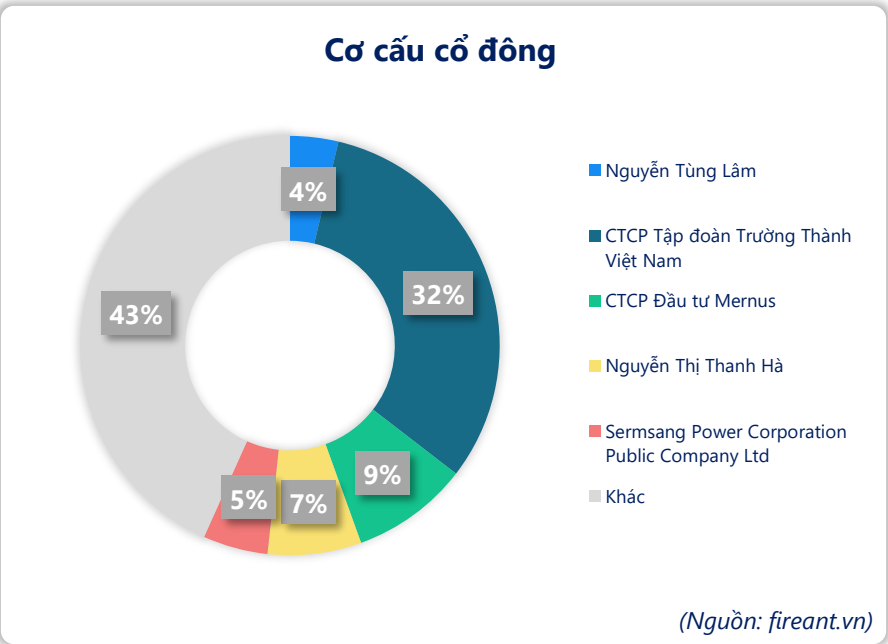
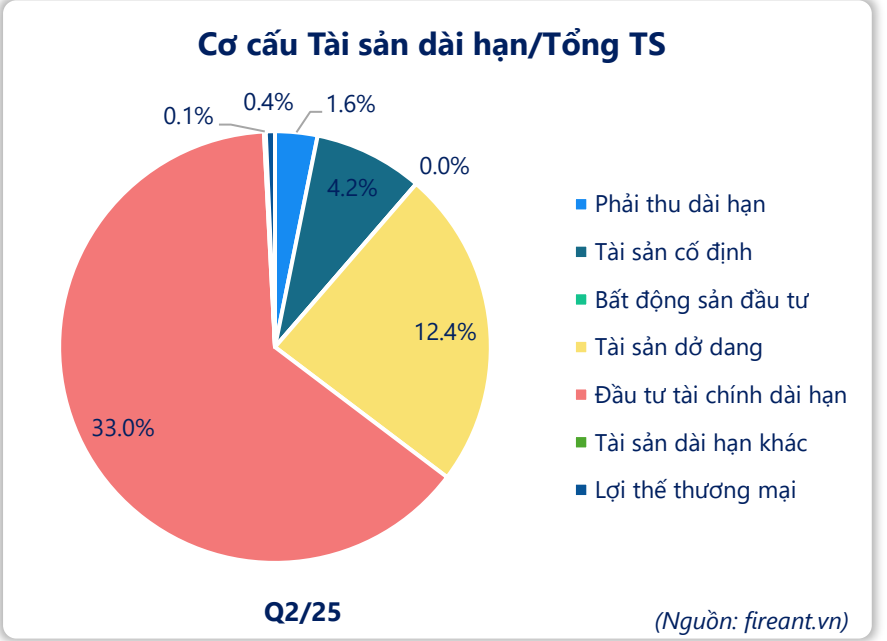
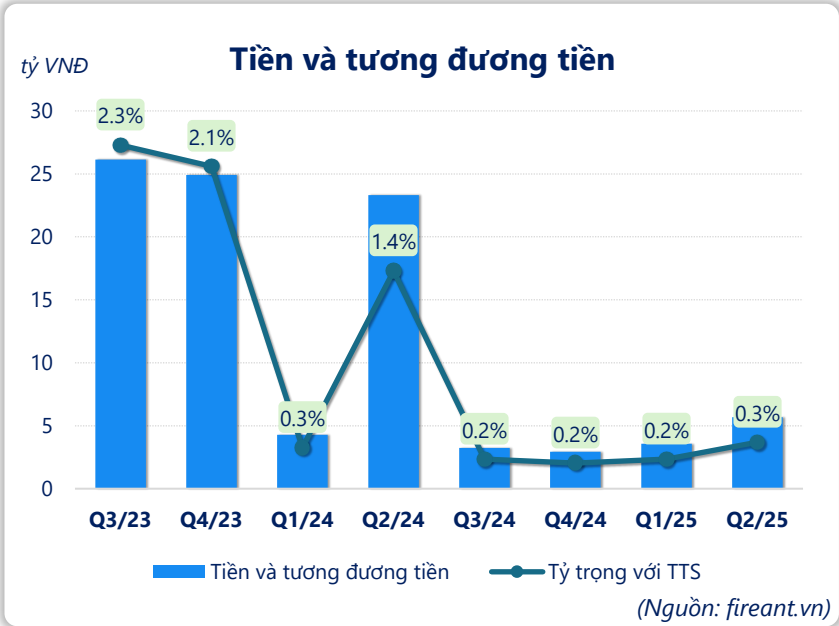
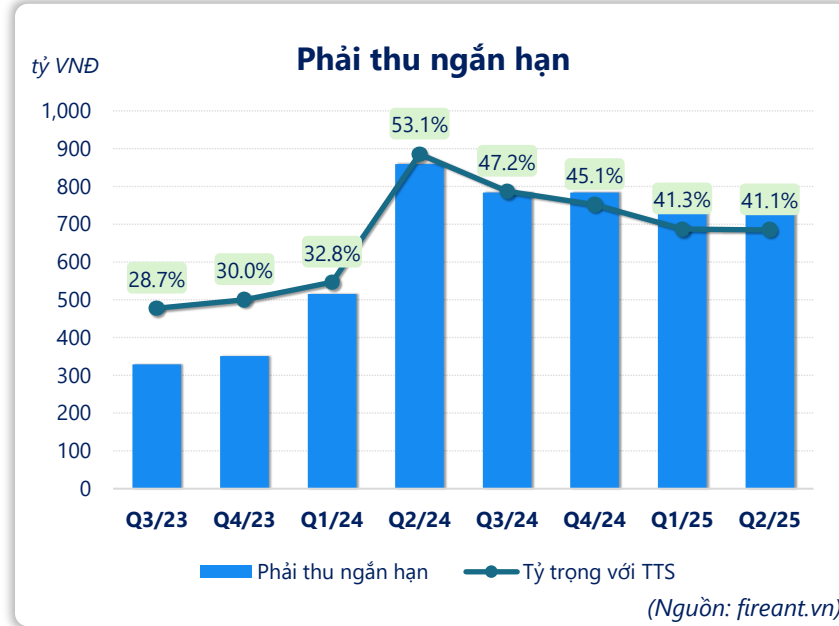
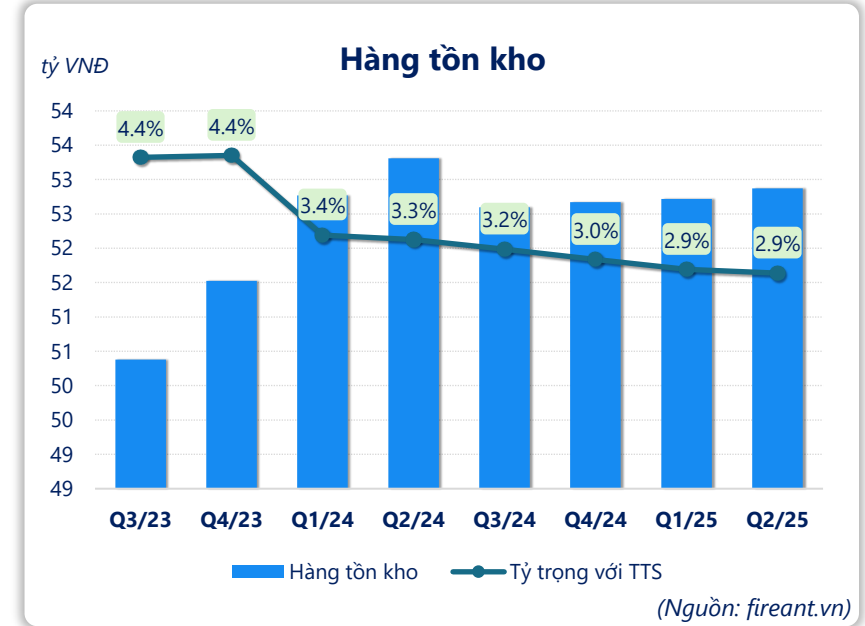
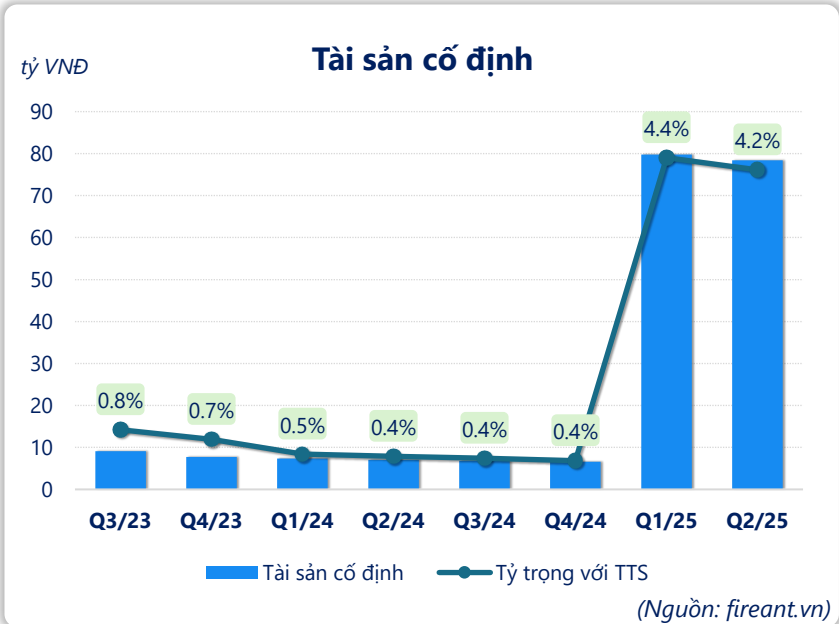
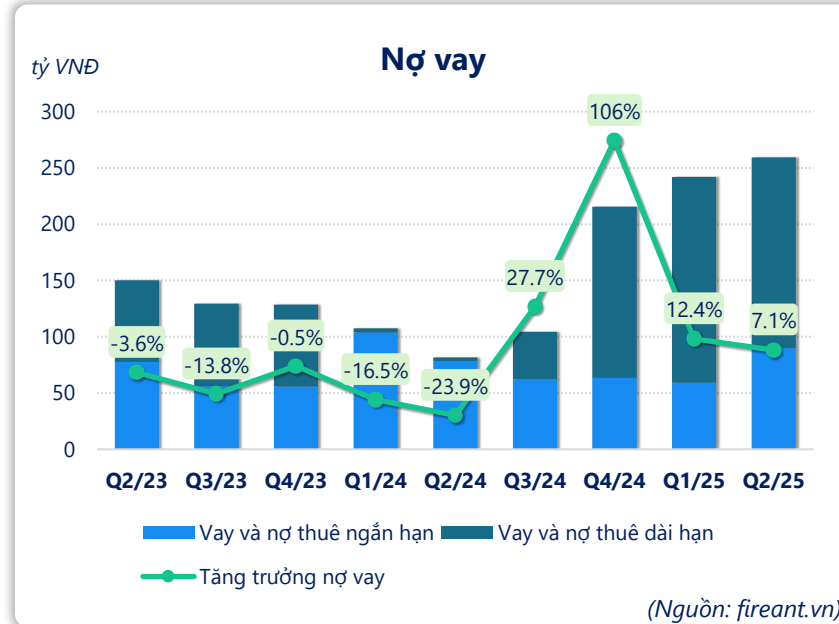
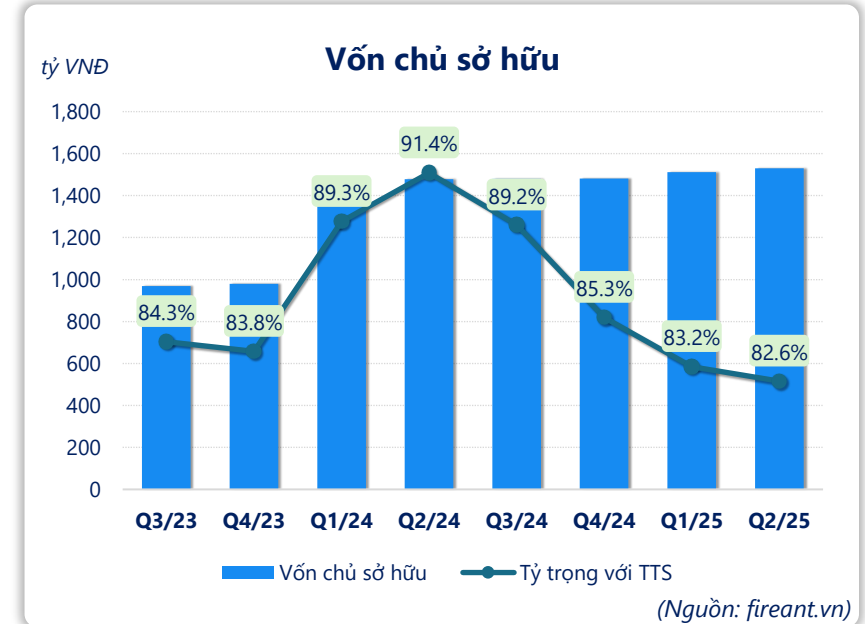
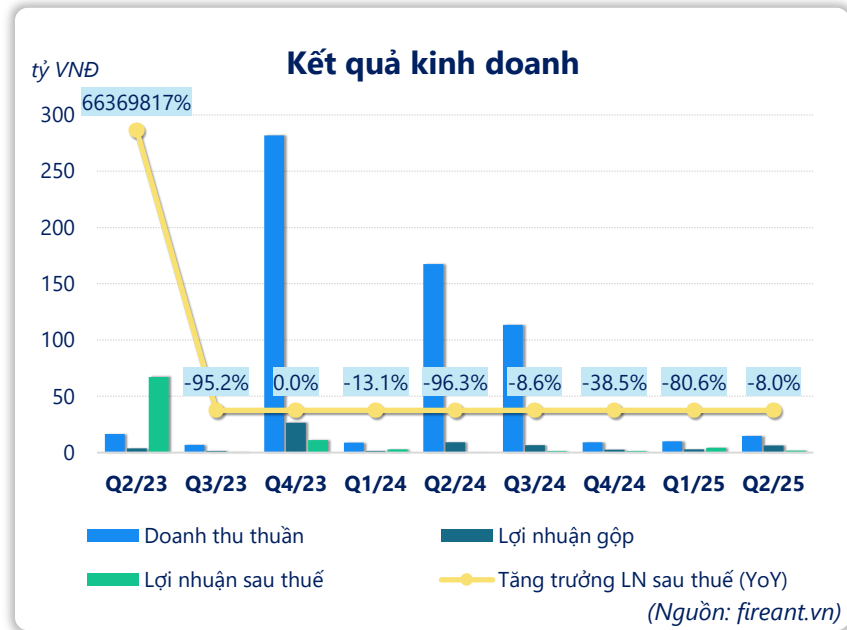
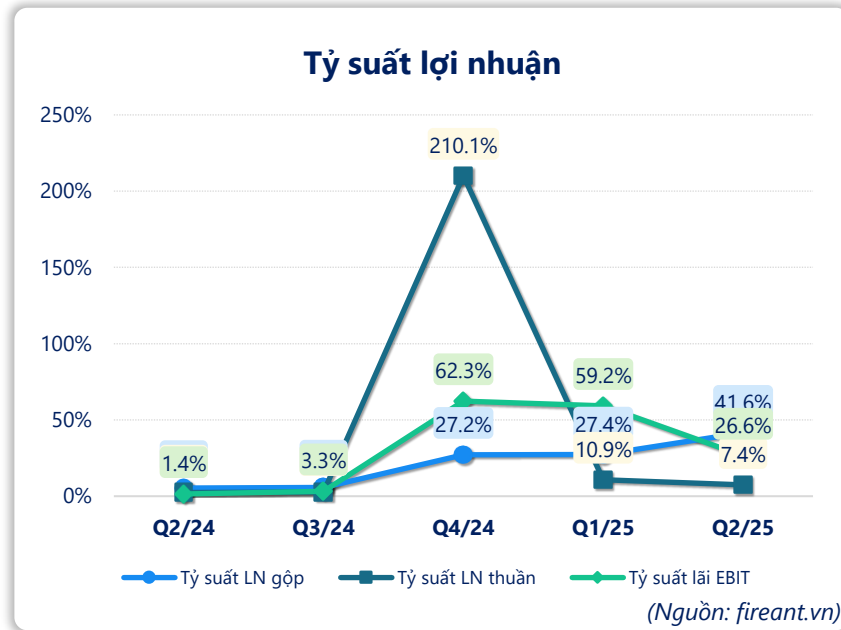
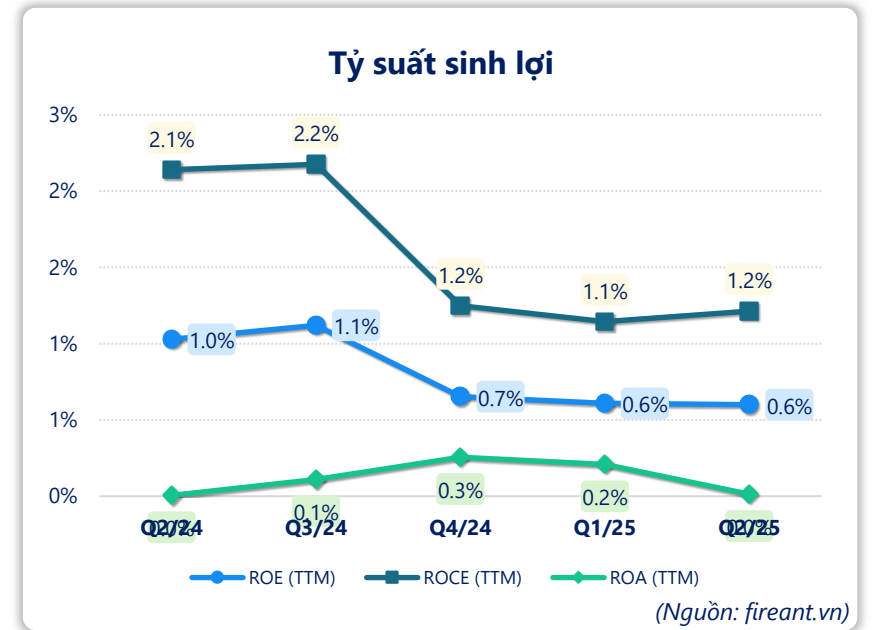
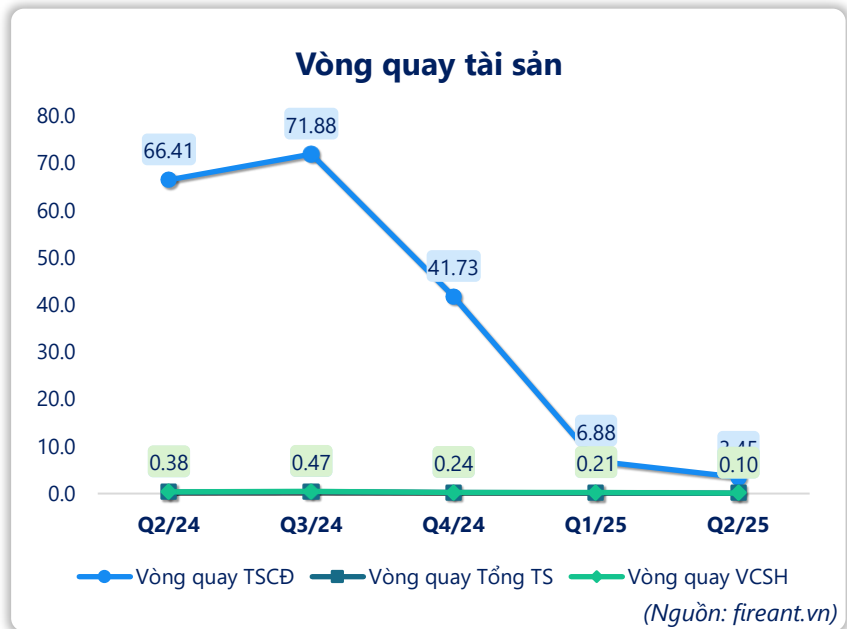
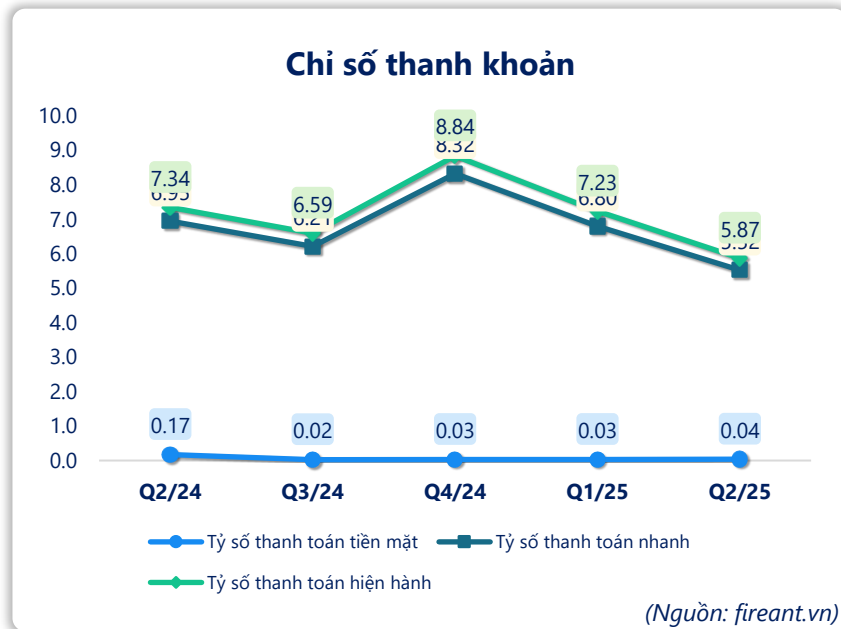
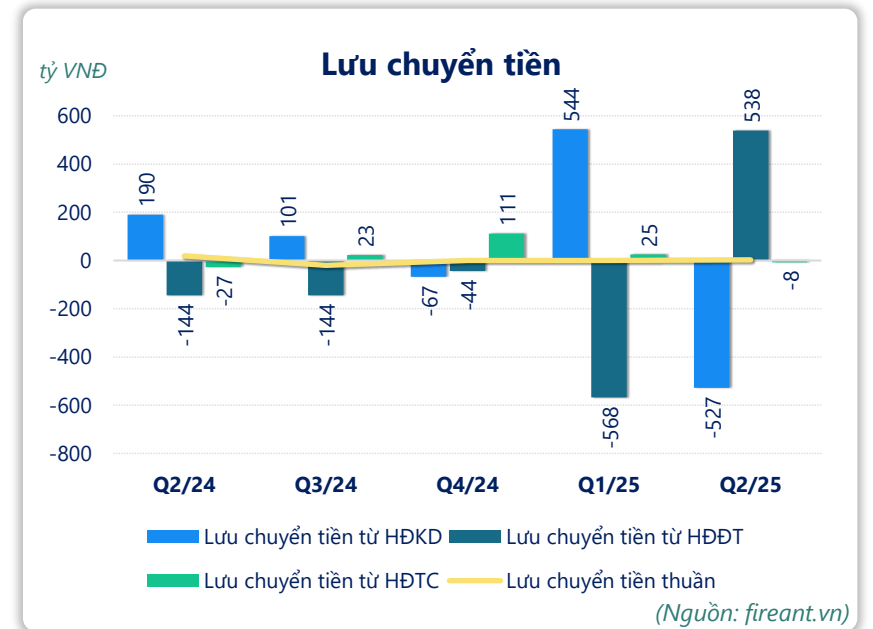


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,540
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
SL cổ phiếu LH		120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)		281,680
% sở hữu nước ngoài		5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		790
P/E		87.5
EPS		75

	YTD	1T	3T	6T
TEG	-7.9%	16.8%	3.6%	-12.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,853	1,733	6.9%
Tài sản ngắn hạn	895	875	2.3%
Tiền và tương đương tiền	5.69	2.94	93.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.8	62.7	3.4%
Phải thu ngắn hạn	762	754	1.1%
Hàng tồn kho	52.9	52.7	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	9.99	3.19	214%
Tài sản dài hạn	958	858	11.6%
Phải thu dài hạn	30.4	30.0	1.3%
Tài sản cố định	78.4	6.60	1087%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	229	196	17.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	612	614	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	1.31	1.60	-18.3%
Lợi thế thương mại	6.55	9.61	-31.8%
Nợ phải trả	323	255	26.5%
Nợ ngắn hạn	153	102	49.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.9	63.4	41.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.7	8.03	270%
Nợ dài hạn	170	153	11.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	169	152	11.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,530	1,478	3.5%
Vốn chủ sở hữu	1,530	1,478	3.5%
Vốn điều lệ	1,208	1,208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	167	113	9.14	10.1	14.8
Giá vốn hàng bán	158	107	6.66	7.30	8.66
Lợi nhuận gộp	9.00	6.46	2.48	2.75	6.17
Doanh thu HĐTC	7.33	4.07	23.2	5.71	4.46
Chi phí TC	3.78	1.75	1.39	1.62	5.17
Chi phí lãi vay	1.32	1.80	1.08	1.62	1.50
LN trong công ty LKLD	0.00	0	-0.08	0	-0.04
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.01
Chi phí QLDN	8.48	5.61	5.04	5.75	4.33
LN thuần từ HĐKD	4.06	3.18	19.2	1.09	1.10
Lợi nhuận khác	-2.96	-1.29	-14.6	3.24	1.35
LN trước thuế	1.11	1.89	4.62	4.34	2.45
Lợi nhuận sau thuế	0.01	1.48	1.51	4.18	1.68
LNST của CĐ cty mẹ	0.08	1.55	3.72	3.53	0.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	190	101	-67.3	544	-527
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-144	-144	-44.0	-568	538
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.5	22.6	111	24.8	-8.49
Tiền đầu kỳ	4.27	23.3	3.23	2.94	3.56
Lưu chuyển tiền thuần	19.0	-20.1	-0.29	0.61	2.13
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	23.3	3.23	2.94	3.56	5.69

(Nguồn: fireant.vn)